

DANH SÁCH

CÁN BỘ, VIÊN CHỨC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN ĐỢT 1 NĂM 2026

(Kèm theo Công văn số: 565/BVN-TCCB ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Nhi Thanh Hóa)

Tổng số cán bộ, viên chức và người lao động của đơn vị có mặt tại thời điểm báo cáo: 899 người

Số người được nâng bậc lương thường xuyên của đơn vị đợt 1 năm 2026 là: 95 người

STT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Khoa, phòng	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng				Kết quả nâng bậc lương năm 2026			
		Nam	Nữ			Mã số ngạch viên chức	Bậc lương trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời điểm được xếp	Bậc lương sau khi nâng	Hệ số lương mới được hưởng	Thời gian tính nâng bậc lương lần sau	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I Nâng bậc lương thường xuyên													
1	Nguyễn Duy Thái	5/11/1976		BSCCKII	NDU- CXK	V.08.01.02	3	5.08	01/2023	4	5.42	01/2026	
2	Hoàng Hoa Quỳnh		8/9/1981	BSCCKII	Mắt	V.08.01.02	3	5.08	01/2023	4	5.42	01/2026	
3	Lê Tuấn Anh	13/11/1977		BSCCKII	HH - DTTB	V.08.01.02	3	5.08	01/2023	4	5.42	01/2026	
4	Lữ Thị Hòa		12/12/1980	BSCCKII	Nội TH	V.08.01.02	3	5.08	04/2023	4	5.42	04/2026	
5	Hoàng Trường Sơn	30/10/1987		Thạc sĩ	HSCC	V.08.01.03	4	3.33	1/2023	5	3.66	01/2026	
6	Lý Tú Anh	10/9/1980		Thạc sĩ	TCKT	06031	7	4.32	03/2023	8	4.65	03/2026	
7	Phạm Anh Minh	10/9/1967		Thạc sĩ	TK - TB	V.08.01.02	5	5.76	01/2023	6	6,1	01/2026	
8	Phạm Thị Hiền		20/02/1988	BSCCKI	ĐTTN	V.08.01.03	4	3.33	01/2023	5	3.66	01/2026	
9	Lê Tiến Sỹ	2/9/1965		BSCCKI	ĐT&CĐT	V.08.01.02	6	6.1	01/2023	7	6.44	01/2026	
10	Hoàng Vũ Thu Huyền		04/12/1994	Bác sĩ	TK - TB	V.08.01.03	2	2.67	01/2023	3	3.0	01/2026	
11	Trần Thị Hoán		02/09/1976	Bác sĩ	YHCT và PHCN	V.08.01.03	7	4.32	02/2023	8	4,65	02/2026	
12	Nguyễn Thị Ngân		10/05/1990	CNĐĐ	BNĐ	V.08.05.12	4	3.33	01/2023	5	3.66	01/2026	
13	Lê Thị Năm		6/20/1982	CNĐĐ	BNĐ	V.08.05.12	5	3.66	01/2023	6	3.99	01/2026	
14	Lê Thị Trâm		19/05/1990	CNĐĐ	HH - DT	V.08.05.12	4	3.33	01/2023	5	3.66	01/2026	

15	Hoàng Thị Dung		08/11/1986	CNĐĐ	Ngoại TH	V.08.05.12	5	3.66	01/2023	6	3.99	01/2026	
16	Ngô Thị Thủy		05/04/1984	CNĐĐ	ĐTTN	V.08.05.12	5	3.66	03/2023	6	3.99	03/2026	
17	Đỗ Thị Hải		09/01/1981	CNĐĐ	KHTH	V.08.05.12	5	3.66	03/2023	6	3.99	03/2026	
18	Hoàng Thị Yên		25/06/1985	CNĐĐ	Chấn thương	V.08.05.12	5	3.66	03/2023	6	3.99	03/2026	
19	Lê Thị Tuyết		17/12/1983	CNĐĐ	GMHS	V.08.05.12	5	3.66	03/2023	6	3.99	03/2026	
20	Nguyễn Thị Hạnh		10/03/1982	CNĐĐ	Máu thận	V.08.05.12	5	3.66	03/2023	6	3.99	03/2026	
21	Cao Thị Huyền		03/09/1986	CNĐĐ	KHTH	V.08.05.12	5	3.66	03/2023	6	3.99	03/2026	
22	Nguyễn Thị Thiều		8/5/1985	CN ĐĐ	TMLN	V.08.05.12	5	3.66	05/2023	6	3.99	05/2026	
23	Hoàng Thị Chiến		9/5/1985	CNĐĐ	Hồ hấp	V.08.05.12	5	3,66	04/2023	6	3,99	04/2026	
24	Phạm Thị Hằng		04/12/1992	CNĐĐ	Khám bệnh	V.08.05.12	3	3.00	06/2025	4	3,33	05/2026	
25	Nguyễn Thị Yên		27/05/1991	CNĐĐ	HSCC	V.08.05.12	3	3.00	06/2025	4	3,33	05/2026	
26	Trịnh Thị Thu Thủy		13/10/1991	CNĐĐ	HSTCSS	V.08.05.12	3	3.00	06/2025	4	3,33	02/2026	
27	Đỗ Thị Kim		07/12/1991	CNKTV	Vi sinh	V.08.07.18	3	3.00	06/2025	4	3,33	02/2026	
28	Bùi Thị Tiến		08/07/1991	CNKTV	Vi sinh	V.08.07.18	3	3.00	06/2025	4	3,33	02/2026	
29	Trịnh Đình Trung	15/10/1992		CNKTV	Vi sinh	V.08.07.18	3	3.00	06/2025	4	3,33	02/2026	
30	Hách Văn Toàn	30/05/1984		CNKTV	CĐHA	V.08.07.18	4	3,33	06/2025	5	3,66	05/2026	
31	Lê Thị Thủy		20/03/1991	CNKTV	HH - DT	V.08.07.18	3	3.00	06/2025	4	3,33	05/2026	
32	Lê Đức Thọ	10/1/1985		CNKTV	Vi sinh	V.08.07.18	5	3.66	05/2023	6	3.99	05/2026	
33	Lê Sỹ Toàn	11/27/1982		CNKTV	HH - DTTB	V.08.07.18	5	3.66	01/2023	6	3.99	01/2026	
34	Lê Thị Dương		27/07/1984	DSĐH	Dược	V.08.08.22	5	3,66	06/2025	6	3,99	02/2026	
35	Ninh Thị Bích Ngọc		02/12/1984	CNKT	TCKT	06031	5	3.66	06/2023	6	3.99	06/2026	
36	Võ Thị Hồng		22/06/1985	CNCNTT	CNTT	01003	3	3.0	05/2023	4	3.33	05/2026	
37	Vũ Thị Nhung		02/06/1985	CNCNTT	CNTT	01003	3	3.0	05/2023	4	3.33	05/2026	
38	Lê Thị Thủy		07/05/1977	CĐĐĐ	KHTH	V.08.05.13	9	4.58	06/2023	10	4,89	06/2026	
39	Nguyễn Thị Giang		20/5/1986	CĐĐĐ	Điều dưỡng	V.08.05.13	3	2,72	02/2023	4	3,03	02/2026	
40	Đỗ Xuân Bách	16/6/1992		CĐĐĐ	HSCC	V.08.05.13	3	2,72	02/2023	4	3,03	02/2026	
41	Nguyễn Thị Hiền		02/01/1992	CĐĐĐ	HSCC	V.08.05.13	3	2,72	02/2023	4	3,03	02/2026	
42	Ngô Thị Niên		30/09/1992	CĐĐĐ	HSCC	V.08.05.13	3	2,72	02/2023	4	3,03	02/2026	
43	Phạm Văn Hóa	01/3/1989		CĐĐĐ	HSCC	V.08.05.13	3	2,72	05/2023	4	3,03	05/2026	
44	Lê Anh Tuấn	14/7/1992		CĐĐĐ	HSCC	V.08.05.13	3	2,72	05/2023	4	3,03	05/2026	
45	Mỹ Thị Yến		04/12/1990	CĐĐĐ	HSTCSS	V.08.05.13	3	2,72	02/2023	4	3,03	02/2026	
46	Nguyễn Thị Thủy Thương		03/03/1991	CĐĐĐ	HSTCSS	V.08.05.13	3	2,72	02/2023	4	3,03	02/2026	

47	Lê Anh Đức	20/11/1990		CĐDD	HSTCSS	V.08.05.13	3	2,72	02/2023	4	3,03	02/2026	
48	Phạm Ngọc Bích		03/06/1998	CĐDD	HSTCSS	V.08.05.13	2	2,41	05/2023	3	2,72	05/2026	
49	Mai Thị Hương		07/10/1992	CĐDD	Sơ sinh	V.08.05.13	3	2,72	02/2023	4	3,03	02/2026	
50	Lâm Thị Mai		04/09/1994	CĐDD	Sơ Sinh	V.08.05.13	2	2,41	05/2023	3	3,72	05/2026	
51	Vũ Thị Hoà		28/08/1989	CĐDD	TK - TB	V.08.05.13	3	2,72	02/2023	4	3,03	02/2026	
52	Lê Thị Thảo		16/05/1992	CĐDD	Hô hấp	V.08.05.13	3	2,72	05/2023	4	3,03	05/2026	
53	Lê Thị Thảo		30/08/1992	CĐDD	Nội TH	V.08.05.13	3	2,72	02/2023	4	3,03	02/2026	
54	Lê Thị Phương		08/03/1982	CĐDD	Tiêu hóa	V.08.05.13	5	3,34	05/2023	6	3,65	05/2026	
55	Nguyễn Thanh Nga		13/06/1988	CĐDD	Máu thân	V.08.05.13	3	2,72	05/2023	4	3,03	05/2026	
56	Nguyễn Thị Tuyết		16/06/1991	CĐDD	Máu thân	V.08.05.13	3	2,72	05/2023	4	3,03	05/2026	
57	Đỗ Thị Huệ		10/10/1988	CĐDD	CĐHA	V.08.05.13	3	2,72	02/2023	4	3,03	02/2026	
58	Nguyễn Thị Lê		30/01/1991	CĐDD	NDU	V.08.05.13	3	2,72	02/2023	4	3,03	02/2026	
59	Hà Ngọc Anh		03/12/1987	CĐDD	ĐTTN	V.08.05.13	5	3,34	05/2023	6	3,65	05/2026	
60	Trần Thị Hoài		10/09/1992	CĐDD	ĐTTN	V.08.05.13	3	2,72	05/2023	4	3,03	05/2026	
61	Nguyễn Thị Bích Ngọc		04/04/1997	CĐDD	ĐTTN	V.08.05.13	2	2,41	03/2023	3	2,72	03/2026	
62	Vũ Thúy Hằng		20/10/1995	CĐDD	PHCN	V.08.05.13	2	2,41	05/2023	3	2,72	05/2026	
63	Lê Thị Tịnh		27/02/1986	CĐDD	PHCN	V.08.05.13	4	3,03	05/2023	5	3,34	05/2026	
64	Nguyễn Thị Giang		12/04/1987	CĐDD	Chấn thương	V.08.05.13	4	3,03	02/2023	5	3,34	02/2026	
65	Lê Thị Vinh		07/01/1986	CĐDD	Ngoại TH	V.08.05.13	5	3,34	05/2023	6	3,65	05/2026	
66	Lê Thị Nương		04/10/1992	CĐDD	Ngoại TH	V.08.05.13	3	2,72	05/2023	4	3,03	05/2026	
67	Bùi Thị Hà		03/12/1992	CĐDD	Tiết niệu	V.08.05.13	3	2,72	05/2023	4	3,03	05/2026	
68	Hà Thị Hằng		10/05/1985	CĐDD	TMH	V.08.05.13	5	3,34	05/2023	6	3,65	05/2026	
69	Mai Thị Hạnh		03/04/1986	CĐDD	TMH	V.08.05.13	3	2,72	02/2023	4	3,03	02/2026	
70	Lê Thị Vân Anh		18/11/1992	CĐDD	TMH	V.08.05.13	3	2,72	02/2023	4	3,03	02/2026	
71	My Thị Hạnh		25/10/1990	CĐDD	TMH	V.08.05.13	3	2,72	05/2023	4	3,03	05/2026	
72	Hà Thị Thương		15/02/1991	CĐDD	Mắt	V.08.05.13	3	2,72	02/2023	4	3,03	02/2026	
73	Nguyễn T Thanh Hoà		12/07/1989	CĐDD	TMLN	V.08.05.13	3	2,72	02/2023	4	3,03	02/2026	
74	Hoàng Thị Phương Thảo		12/06/1990	CĐDD	GMHS	V.08.05.13	3	2,72	05/2023	4	3,03	05/2026	
75	Lưu Đình Dương	15/02/1992		CĐDD	Khám bệnh	V.08.05.13	3	2,72	05/2023	4	3,03	05/2026	
76	Đỗ Thị Dung		05/06/1989	CĐDD	Khám bệnh	V.08.05.13	3	2,72	02/2023	4	3,03	02/2026	
77	Lữ Thị Thương		14/10/1993	CĐDD	Khám bệnh	V.08.05.13	3	2,72	02/2023	4	3,03	02/2026	
78	Dương Thị Hương		02/06/1986	CĐDD	Khám bệnh	V.08.05.13	3	2,72	02/2023	4	3,03	02/2026	
79	Nguyễn Thị Hương		06/10/1990	CĐDD	HH - DT	V.08.05.13	2	2,41	05/2023	3	2,72	05/2026	

80	Phan Thị Thảo		01/09/1995	CĐDD	Hóa sinh	V.08.05.13	2	2,41	03/2023	3	2,72	03/2026	
81	Hoàng Văn Thu	02/03/1983		KTV CĐ	CĐHA	V.08.07.19	5	3,34	05/2023	6	3,65	05/2026	
82	Nguyễn Đình Đức	10/11/1986		KTV CĐ	CĐHA	V.08.07.19	4	3,03	05/2023	5	3,34	05/2026	
83	Bùi Ngọc Huy	18/05/1991		KTV CĐ	Vi sinh	V.08.07.19	3	2,72	02/2023	4	3,03	02/2026	
84	Nguyễn Thị Thanh Xuân		07/02/1991	KTV CĐ	Vi sinh	V.08.07.19	3	2,72	05/2023	4	3,03	05/2026	
85	Trịnh Thị Thu		27/07/1984	DSCĐ	Dược	V.08.08.23	5	3,34	02/2023	6	3,65	02/2026	
86	Hoàng Văn Sỹ	3/15/1990		CĐDD	HSCC	V.08.05.13	3	2,72	06/2023	4	6,03	06/2025	
87	Nguyễn Thị Kim Hào		28/09/2989	CNKT	TCKT	06031	1	2,34	01/2023	2	2,67	01/2026	
88	Lê Thị Trang		10/06/1986	CNĐĐ	TK - TB	V.08.05.12	4	3,33	04/2023	5	3,66	04/2026	
89	Phạm Thị Lan		10/10/1988	CĐDD	Nội TH	V.08.05.13	4	3,03	02/2023	5	3,34	02/2026	
90	Lê Thị Huyền Trang		15/10/1997	Bác sĩ	TK - TB	V.08.01.03	1	2,34	02/2023	2	2,67	02/2026	
91	Bùi Thị Hồng		10/4/1983	CN CNTT	KHTH	01.003	4	3,33	11/2022	5	3,66	02/2026	
92	Phạm Thị Huệ		8/12/1991	CĐDD	ĐTTN	V.08.05.13	2	2,41	11/2022	3	2,72	02/2026	
93	Lê Thị Hằng		20/02/1992	CĐDD	Nội TH	V.08.05.13	3	2,72	05/2023	4	3,03	06/2026	
94	Nguyễn Thị Hà Chi		06/3/1998	CĐDD	HSCC	V.08.05.13	2	2,41	11/2022	3	2,72	02/2026	
95	Đỗ Thị Tuyền		14/5/1997	CĐDD	HSCC	V.08.05.13	2	2,41	11/2022	3	2,72	04/2026	

